DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: 3062 ***/QĐ - VPCNCLQG ngày*** *16* ***tháng 10 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/ of BoA Director)***

Tên phòng xét nghiệm:	**Phòng Xét nghiệm Medlatec số 19 – Nam Định, Ninh Bình**
Medical Laboratory:	***Medlatec Laboratory No. 19 – Nam Định, Ninh Bình***
Cơ quan chủ quản:	**Công ty TNHH Medlatec Việt Nam.**
Organization:	***Medlatec Vietnam Co., Ltd.***
Lĩnh vực xét nghiệm:	**Hóa sinh**
Field of medical testing:	***Biochemistry***
Người phụ trách/ *Representative:*	**Phạm Thu Hoài** ***Pham Thu Hoai***
Chuẩn mực công nhận/ *Accreditation criteria:*	**ISO 15189:2022**
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS Med 224**
Hiệu lực/ *Validation:*	**Từ ngày** *16 / 10* **/2026 đến ngày 03/7/2030**
Địa chỉ/ *Address* :	**Số 129, đường Võ Nguyên Giáp, phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam** ***No. 129 Vo Nguyen Giap Street, Nam Dinh Ward, Ninh Binh Province, Vietnam***
Địa điểm/*Location* :	**Số 129, đường Võ Nguyên Giáp, phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam** ***No. 129 Vo Nguyen Giap Street, Nam Dinh Ward, Ninh Binh Province, Vietnam***
Điện thoại/ *Tel*:	**0369 937 769**
Email:	**hoai.phamthu@medlatec.com**
Website:	**www.medlatec.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 224

Lĩnh vực xét nghiệm: Hóa sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

STT *No.*	**Loại mẫu (chất chống đông-nếu có)** *Type of sample (speciment)/ anticoagulant (if any)*	**Tên các chỉ tiêu xét nghiệm** *(The name of medical tests)*	**Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm** *(Principle/ Technical test)*	**Phương pháp xét nghiệm** *(Test method)*
1.	**Huyết thanh, Huyết tương** ***Serum, Plasma (heparine)***	Định lượng Alanin Aminotransferase (ALT) *Determination of Alanin transaminase (ALT)*	Động học enzyme *Enzym kinetics*	MEDNĐ/XN.QTXN .HS.06 (2025) (Cobas C501)
2.		Định lượng Aspartate Aminotransferase (AST) *Determination of Aspartate transaminase (AST)*		MEDNĐ/XN.QTXN .HS.07 (2025) (Cobas C501)
3.		Định lượng Cholesterol toàn phần *Determination of total Cholesterol*	Enzym so màu *Enzymatic Colormetric*	MEDNĐ/XN.QTXN .HS.13 (2025) (Cobas C501)
4.		Định lượng Glucose *Determination of Glucose*	Động học enzyme *Enzym kinetics, UV*	MEDNĐ/XN.QTXN .HS.18 (2025) (Cobas C501)
5.		Định lượng Triglycerid *Determination of Triglyceride*	Enzym so màu *Enzymatic Colormetric*	MEDNĐ/XN.QTXN .HS.37 (2025) (Cobas C501)
6.		Định lượng Ure *Determination of Urea*	Động học enzyme *Enzym kinetics*	MEDNĐ/XN.QTXN .HS.38 (2025) (Cobas C501)

Ghi chú/ ***Note****:*

- MEDNĐ/XNQTXN…: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Phòng Xét nghiệm vật cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp *dịch vụ này/ It is mandatory for the Laboratory Department that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*